

Nội dung bài viết

1. [Listen and repeat.](#)
2. [Listen and write.](#)
3. [Let's chant.](#)
4. [Read and match.](#)
5. [Read and complete.](#)
6. [Project.](#)

Tiếng Anh lớp 3 Unit 9 Lesson 3 trang 62 - 63 Tập 1 hay nhất

Listen and repeat.

(Nghe và lặp lại).

Bài nghe:

i it What colour is it?

o orange It's orange

Listen and write.

(Nhìn và viết).

Bài nghe:

1. it

2. orange

Nội dung bài nghe:

1. It is my school bag.

2. My favourite colour is orange.

Hướng dẫn dịch:

1. Đó là cặp sách của tôi.

2. Màu sắc yêu thích của tôi là màu cam.

Let's chant.

(Chúng ta cùng ca hát).

Bài nghe:

What colour is it?

What colour is it?

It's red. It's red.

What colour is it?

It's green. It's green.

What colour is it?

It's orange. It's orange.

What colour are they? They're blue. They're blue.

What colour are they? They're brown. They're brown.

What colour are they? They're black. They're black.

Hướng dẫn dịch:

Nó màu gì?

Nó màu gì? Nó màu đỏ. Nó màu đỏ.

Nó màu gì? Nó màu xanh lá. Nó màu xanh lá.

Nó màu gì? Nó màu cam. Nó màu cam.



Chúng màu gì? Chúng màu xanh da trời. Chúng màu xanh da trời.

Chúng màu gì? Chúng màu nâu. Chúng màu nâu.

Chúng màu gì? Chúng màu đen. Chúng màu đen.

Read and match.

(Đọc và nối).

4 Read and match.  

1 Is that your school bag?

2 What colour is it?

3 Are these your rubbers?

4 What colour are they?

a Yes, they are.

b They're green.

c Yes, it is.

d It's black.

1 - c: Is that your school bag?

Yes, it is.

2 - d: What colour is it?

It's black.

3 - a: Are these your rubbers?

Yes, they are.

4 - b: What colour are they?

They're green.

Hướng dẫn dịch:

1. Đó có phải là cặp sách của bạn không? - Vâng, đúng vậy.


2. Nó có màu gì? - Nó đen.

3. Đây là những cục tẩy của bạn? - Vâng, đúng vậy.

4. Chúng có màu gì? - Chúng màu xanh.

Read and complete.

(Đọc và hoàn thành đoạn văn).

5 Read and complete. 

they pens colour desk green

This is my school bag. It is (1) _____. That is my
(2) _____. It is brown. These are my books.
(3) _____ are blue. Those are my (4) _____.
They are black. And what (5) _____ is your school bag?

(1) green (2) desk (3) they

(4) pens (5) colour

Hướng dẫn dịch:

Đây là chiếc cặp của tôi. Nó màu xanh lá cây. Đó là chiếc bàn học của tôi. Nó màu nâu. Đây là những quyển sách của tôi. Chúng màu xanh da trời. Đó là những chiếc bút viết của tôi. Chúng màu đen. Và chiếc cặp của bạn màu gì?

Project.

(Dự án.)

Tô màu cầu vồng. Nói về chúng cho các bạn nghe.